

Trần Văn Sơn

HÀ THÚC SINH

Cuộc Hành Trình Dài Nửa Thế Kỷ Thơ



1.

Ta lục lại trong ngăn kéo cũ

Bụi và buồn lẫn khuất mờ thư xưa

Lòng đã mở sao người không dám bước vào, sợ gì khi dòng đời vẫn trôi, những hệ lụy ràng buộc giữa người và người, người và đời như giọt sương mai lấp lánh trên những nụ hoa tàn tạ rơi vào quên lãng. Ngăn kéo cũ, mờ thư xưa tưởng như đã bị chôn vùi, khuất lấp theo cát bụi thời gian, tưởng như đã nằm im trong ngăn kéo ký ức, bỗng sống dậy mãnh liệt ở mọi nơi mọi miền, trầm sâu vào lòng dân tộc.

Hai câu thơ của Hà Thúc Sinh sâu lắng và đầy hoài niệm, mở toang cánh cửa một thời gian đã qua. Thời trần trở, bất an, điêu linh, nghiệt ngã. Thời quê hương ngập tràn khói lửa chiến tranh. Thời của những hồi chuông báo tử. Thời của người lính trận sống sót trở về nhìn lại cảnh cũ người xưa. Thành phố hấp hối từng giờ. Lòng

người nặng trĩu sống còn. Có chăng là trong ngăn kéo cũ còn lại mớ thư xưa bám đầy bụi bặm ố vàng, chất chứa nỗi buồn muôn thuở.

2.

Tôi quen với Hà Thúc Sinh hình như qua sự giới thiệu của Phạm Nhã Dự, Tô Đình Sự. Lúc đó, tôi đóng quân ở mật khu Lý Văn Mạnh, Gia Định, giáp ranh tỉnh Hậu Nghĩa, thỉnh thoảng có phép leo trực thăng về Sài Gòn, tạt qua tạp chí Khởi Hành đường Phạm Ngũ Lão thăm nhà thơ Viên Linh và nhà văn Dương Trữ La tức Tâm Đạm, bán nguyệt san Thời Nay thăm Khánh Giang. Ghé qua cầu chữ Y hàn huyên tâm sự với Ngô Nguyên Nghiễm, Nguyễn Thành Xuân; đường Nguyễn Tiểu La với Nguyễn Lê La Sơn, Thụy Miên; Ngã Ba Ông Tạ với Hà Thúc Sinh.

Nhà anh khang trang, xinh xắn, sân sau trồng liễu rất đẹp, thơ mộng - nơi mà Nguyễn Bắc Sơn mỗi khi say thường ngồi thiền dưới gốc cây, liễu rủ trên đầu trông giống như...Khô Mộc đại sư. Hà Thúc Sinh độc thân, một mình một cõi, tính tình lại phóng khoáng, hào sảng nên bạn bè văn nghệ lui tới rất đông, đủ mọi binh chủng khắp bốn vùng chiến thuật : Vũ Hữu Định, Hoàng Đình Huy Quan, Tô Đình Sự... ở miền Trung; Phù Sa Lộc, Trần Kiêu Bạt, Trương Tử Tâm... ở miền Tây. Sài Gòn có Ngô Nguyên Nghiễm, Chóe, Lưu Vân, Phạm Nhã Dự... Vài món nhắm, vài két bia do anh em góp chung, ngồi bệt trên thềm xi măng, bàn chuyện thế sự, chuyện chiến tranh, chuyện van nghe van gùng... rượu vào lời ra rôm rả. Chính tại ngôi nhà này Hà Thúc Sinh đã giúp Hoàng Đình Huy Quan tục bản tập san Sóng, giúp Nguyễn Bắc Sơn in tập thơ Chiến Tranh Việt Nam và Tôi.

Ở hải ngoại ai cũng biết Hà Thúc Sinh là nhà văn, là nhạc sĩ qua trường thiên bút ký Đại Học Máu viết về ngục tù Công Sản Việt Nam, tập truyện Ông HO, Tổng Biệt 2000, Cơm Cà Dưa Muối, Đêm Hè, Về...và những ca khúc viết trong tù, nhạc đấu tranh, tình ca... ít ai biết anh là một nhà thơ, sống chết với thơ. Hà Thúc Sinh

làm thơ lúc còn rất trẻ, từ đầu thập niên sáu mươi đã có thơ đăng trên các tạp chí văn nghệ uy tín tại Sài Gòn, và đã xuất bản bốn thi phẩm trước tháng tư năm một chín bảy lăm, ngày mất nước : Trí Nhớ Đau Thương, Đá Vàng -1969. Điều Buồn Chúng Ta -1971, Đạo Núi Minh Ta -1972. Riêng tập Đạo Núi Minh Ta tái bản năm 1973, ít nhà thơ nổi tiếng nào ở miền Nam thời đó bán hết thơ và tái bản thơ như anh. Qua Mỹ anh cho in thêm hai tác phẩm thi ca: Viết Giữa Đường -1988, Hoà Bình và Tôi -1995.

3.

Đã mang cái nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa

Hai câu thơ Kiều của thi hào Nguyễn Du ứng vào con người nhà thơ Hà Thúc Sinh. Thơ là cái nghiệp, lỡ sa chân vào rút ra rất khó, như ma túy, thuốc Lào “đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên” theo đuôi bám riết, ẩn hiện như hình với bóng. Năm mươi năm làm thơ, in sáu tập gần năm trăm bài, trải dài trên các nẻo đường quê hương, vượt qua biên giới ra hải ngoại, bay khắp bốn phương trời. Thơ là sự khám phá, sáng tạo, không dừng lại chằm dứt; luôn luôn đẩy ta về phía trước, phía mặt trời mọc. Thơ thành cây gậy nhỏ chống mà đi trên sinh lộ cho đến khi nhắm mắt xuôi tay:

Ta cũng biến thơ kia thành gậy nhỏ

Chống mà đi trên sinh lộ một thời

Như em có xác thân là gậy nhỏ

Để đạp trên đường định mệnh mà chơi.

[Thư Về Tiểu Muội Họ Vương – HTS]

Thơ là em. Em là thơ. Thơ - Em là định mệnh vượt trường giang dậy sóng hội tụ về một điểm Chân - Thiện - Mỹ. Chữ chơi ở đây dùng rất đặc địa, băng láng như mây trời, bao la như vũ trụ. Và, thi sĩ có phải là chim phượng hoàng phủ cánh bao trùm đến tận cõi vô cùng :

Ta sắp vượt một trường giang dậy sóng

*Không cầu nào có thể bắt qua
Đây là lúc phượng hoàng sắp phải
Đem cánh mình phủ lấy bóng trời xa.
[Thư Về Tiểu Muội Họ Vương – HTS]*

Thơ Hà Thúc Sinh ví như ngôi nhà ba gian, mái lợp âm dương, bên trong bài trí nửa cổ nửa tân, kết hợp hài hoà hai nền văn hoá Đông Tây:

*Bầy ngựa truyền kỳ phóng từ bút lông y
Bỗng mịt mù biên cương trời đất
Ta chống gậy thơ thần bên vườn
Thấy nhận lưng trời không bay
Khép mắt vẫn thấy mây nổi
Ôi! Cội nguồn của sông là núi
Chợt thấy đâu đây
Trên một chỉ tay.
[Khi Xem Một Hoạ Sĩ Vẽ Ngựa – HTS]*

Cổ điển hay hiện đại? Mới hay cũ? Sao lạ quá. Không khí xưa, hình ảnh xưa, cách dùng chữ rất xưa như bút lông y, truyền kỳ, nhận lưng trời ... lại nằm trong một bài thơ tự do. Thật ra, ngôn ngữ chỉ là phương tiện để diễn đạt tư tưởng xưa - nay, mới - cũ; là sự phân tích có tính cách chủ quan của người phê bình, phải nhìn thật sâu bên trong từng chữ từng câu thơ mới hiểu được sự vi diệu của ngôn ngữ. Đốt lò hương cũ không phải để quay lại, tìm về, loay hoay với quá khứ hay tiếc nuối thời gian đã mất; mà là ôn cố tri tân, soi sáng sinh lộ dẫn đến một chân trời mới.

Bức tranh thuỷ mặc với đôi nét chấm phá thần kỳ, bầy ngựa, thiên sư chống gậy, bầy nhận... hình ảnh tịch liêu, tĩnh lặng, thiên vị có vẻ như an nhiên tự tại, phiêu hốt, nhưng lại biến động dữ dội, hỗn mang trời đất. Thi sĩ chống gậy thơ thần bên vườn nhìn nhận lưng trời, nhìn mây trôi; mở mắt khép mắt là cả một sự biến dịch âm dương giữa tĩnh và động như sự trầm tư, trăn trở, thao thức về cội nguồn của một kiếp nhân sinh. “Ôi! cội nguồn của sông là núi. Chợt tìm thấy đâu đây. Trên một chỉ tay”. Chỉ tay là của ta, chúng

ta, là con tim, cái tâm; và có phải cái tâm của con người sẽ định đoạt dòng sinh mệnh của một dân tộc.

4.

Hầu hết các văn nghệ sĩ Miền Nam đều ở trong quân đội. Hà Thương Nhân, Thành Tâm Tuyền, Tô Thuỳ Yên, Thảo Trường, Dương Hùng Cường, Viên Linh, Trần Hoài Thư, Hà Thúc Sinh, Phan Bá Thuỵ Dương, Tô Đình Sự, Duy Lam, Phạm Nhã Dự, Trần Phù Thế... Người lính, dù là hội viên hội văn nghệ sĩ quân đội hay ở ngoài, họ đều tự do viết, tự do trình bày tư tưởng, tự do đăng báo, tự do in sách, không bị ràng buộc cấm đoán bởi cấp trên, quân đội hay chính quyền. Bàn viết là ba lô khi dừng quân nghỉ ngơi vài phút; là tấm ván thùng đạn pháo binh ở hậu cứ, hay bất cứ một nơi nào, ven rừng góc núi cao nguyên đồng bằng. Khác với thiên đường máu miền Bắc, văn nghệ sĩ là văn nô, viết rập khuôn sự chỉ đạo của đảng cộng sản. Ca tụng đảng, ca tụng Hồ Chí Minh, ca tụng Mao Trạch Đông, Stalin. “Vui biết mấy khi con tập nói. Tiếng đầu đời con gọi Xít Ta Lin - Tổ Hữu”. Viết, cái mà đảng gọi là chệch hướng, sẽ bị trừ dập, tự phê, tự kiểm, đấu tố. Nặng hơn, đảng chụp cho cái mũ phản động, sẽ bị thanh trừng, tra tấn, tù tội. Vụ án Nhân Văn Giai Phẩm vẫn còn sờ sờ trước mắt. Những kiện tướng văn học thời đó như Trần Dần, Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang, Phùng Quán, Phùng Cung... kẻ cứa cổ tự tử, người bị nhục hình, khổ sai, biệt giam, về nhà sợ cho đến chết. Nhà văn Nguyễn Tuân đã từng tâm sự với lớp văn nghệ trẻ Hà Nội: ”Sở dĩ tao còn cầm bút và còn sống đến bây giờ là vì tao biết sợ chúng, mày ạ”. Riêng có một người, duy nhất một người, nhà thơ Hữu Loan, kẻ sĩ Bắc Hà, hào khí ngất trời không chịu khuất phục, đầu hàng. Uy vũ bất năng khuất. Ông bỏ đảng, bỏ vệ quốc quân, bỏ chức tước trở về quê cày ruộng, cuốc đất, vác đá, kéo xe cút kít...Làm đủ nghề thấp kém nhất để nuôi vợ con, tránh xa loài quỷ dữ. “Những tai trâu huân nhạc. Những mắt lợn thưởng tranh. Bọn nghệ nô. Dem hết tài. Khuyển. Mã (Hữu Loan)”.

Hà Thúc Sinh là lính nên anh viết nhiều bài thơ về lính. Thơ anh

không moi gan nuốt mật , không “phanh thầy uống máu quân thù”
như cái loa tuyên truyền của cộng sản. Chất lính trong thơ anh đầy
tình dân tộc: khoan dung, nhân ái và rộng lượng kể cả với người
bên kia chiến tuyến:

*Giao thừa sao mà vội
Hãy khoan đã chú mày
Cứ đóng xa vài dặm
Mà ăn uống no say.*

*Ta cũng người như chú
Cũng nhỏ bé trong đời
Có núi sông trong bụng
Mà bất lực hôm nay.
[Nghinh Dịch Hành – HTS]*

Tâm thức của người yêu nước thương dân, ôm núi sông trong bụng
mà lực bất tòng tâm, nhắm mắt buông tay. Không còn gì đau khổ
nhục nhã cho bằng cảnh nòi da xáo thịt, huynh đệ tương tàn. Cùng
là người Việt Nam máu đỏ da vàng, chia cắt bởi một dòng sông ô
nhục, hai bên hai chủ nghĩa hai con đường. Người lính Miền Nam
chiến đấu bảo vệ cuộc sống của người dân và lý tưởng tự do dân
chủ. Chú bộ đội Bắc Việt chiến đấu cho tham vọng cuồng điên của
bọn cộng sản Miền Bắc, cộng sản Nga Tàu. Gọi là chú vì họ còn
quá trẻ, mười lăm mười sáu tuổi bị cưỡng bức vào lò lửa chiến
tranh, sinh bắc tử nam. Đây chú bộ đội, tạm thời xếp lại chuyện
binh đao, giao thừa sắp đến hãy bày tiệc đón mừng xuân mới. “Vì
nói thật cùng chú. Trăm năm có là bao. Binh đao sao biết được.
Sinh tử có là bao - HTS”.

Tình đồng đội sống chết có nhau, không bỏ anh em, không bỏ bạn
bè là tâm niệm của người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà. Đời quân
ngũ nay đây mai đó, đũa Cà Mau - Năm Căn, đũa Bình Long -
Bình Giả, gặp nhau cụng ly chết bỏ, quên đời. Người lính chiến đấu
hết mình và chơi hết mình. Địa vị, chức tước, tiền bạc, có nghĩa gì
khi khi bom đạn dày xéo quê hương. Tuổi trẻ có mặt khắp chiến
trường, người thương tật ở Khe Sanh, kẻ vui thầy nơi tuyến đầu

Quảng Trị: thiên đàng hay địa ngục?

*Chó không buồn sủa quạ im hơi
Thơ thần anh gà giữa phố chơi
Góc núi nào hay trên biển cát
Có xương lẫn máu bạn hiền tôi
[Khi Bước Chân Xuống Quảng Trị, Nhớ Bạn – HTS]*

*Hãy cụng ly chết bỏ
Tôm cua cá lươn sò
Lương ta còn nguyên vẹn
Còn nguyên cái Seiko*

*Cứu Long Giang ra biển
Sẽ chẳng trở về đây
Chiến tranh hề gặp gỡ
Có chắc lần thứ hai*

*Mai mỗi thằng mỗi ngả
Thằng Cà Mau, Năm Căn
Thằng Bình Long, Bình Giả
Thằng địa ngục, thiên đàng.
[Hành Quân Qua Bến Phà Mỹ Thuận,
Gặp Bạn Đánh Chén, Say Mèm – HTS]*

Thơ lính Hà Thúc Sinh bi tráng, khinh bạc, khí khái, đầy hiện thực đi thẳng vào tâm cảm người đọc. Không son son trét phấn, tô hồng tô đỏ, không tôn vinh nịnh bợ trơ trẽn, đồng hoá tổ quốc với Lê Nin - Liên Xô, với chủ nghĩa ngoại lai phi dân tộc. “Ôi! đường đến với LêNin là đường về tổ quốc. Biết ơn tài sáng tạo Liên Xô. Đưa sóng lòng ta vượt cõi bờ. Ta đứng reo giữa nghìn tinh thể. Ôi chị Hằng Nga cô gái Nga - Chế Lan Viên”. Những cái lưỡi gỗ của bọn văn nô phương bắc mửa ra những câu thơ hèn hạ, nhục nhã như loài bò sát đã giết chết tinh túy thơ, và tự đâm vào trái tim mình, tự hủy.

Rượu, thuốc thâu đêm , đời lính gặp nhau chỉ có thể làm vui sau những lần hành quân gian khổ, những trận đánh khốc liệt. Có khi

tiền lính tính liền chia nhau ly rượu điều thuốc rồi ngậm ngùi chia tay mỗi người mỗi ngã, bạn về vùng địa đầu giới tuyến, ta trở lại sông rạch Cửu Long, tiếp tục cuộc hành trình trên con đường vô định. Thơ chiến tranh không có không khí chiến tranh, không có cảnh máu đổ xác người bom đạn. Thơ chiến tranh Hà Thúc Sinh không hận thù, không kích động hận thù mà đầy ắp tình bạn, tình đồng đội, tình người thể hiện trung thực tính nhân bản của văn nghệ sĩ miền Nam:

*Dẫn ly xuống chiếu cười gương cười
Ta biết rằng chưa ấm bụng người
Bực thay bạn đến từ muôn dặm
Mà rượu hề không đủ say chơi
[Buổi Chiều Ở Nhà Mời Bạn Đánh Chén,
Nửa Chừng Hết Rượu - HTS)*

*Ven sông một đồn binh đóng
Cố tri trong lớp tân binh
Cách nhau một hàng dậu sắt
Nhìn nhau ứa lệ thân tình*

*Mời bạn chưa tàn điều thuốc
Việc binh trở gót quay vào
Đêm nay trong thành phố lạ
Hồn ta biết gửi nơi đâu.
[Thăm bạn - HTS]*

5.

Hoà bình là khát vọng muôn đời của dân tộc Việt Nam. Hoà bình là con chữ lạ mặt nằm im trên trang giấy, bài viết, lời ca, trên cửa miệng mọi người, thực chất là ảo vọng, hoang tưởng, chỉ có trong giấc mơ. “Hoà bình đến trong giấc ngủ. Hoà bình đến trong cơn mê sáng. Hoà bình đến trên đôi vú em anh đã từng mơn trớn. Anh đã từng yêu em và mơ gọi hoà bình - TVS”. Tuổi trẻ khát khao hoà bình. Nhưng chiến tranh có phải là giải pháp duy nhất để đưa đến

hoà bình? Câu trả lời chắc chắn là không. Vậy mà bọn cộng sản Việt Nga Tàu đã nướng cả dân trong bể lửa chiến tranh. Tâm trạng của tuổi trẻ Miền Nam về giấc mơ hoà bình vào thập niên sáu mươi, bảy mươi được Hà Thúc Sinh trình bày trong bài Xin Hoà Bình Hãy Đến:

*Xin hãy đến đây
Hồi hoà bình lạ mặt yêu dấu
Xin đừng cho tôi những buổi sáng giết nhau
Xin đừng cho tôi những buổi trưa hối hận
Xin đừng cho tôi những buổi chiều ăn năn
Xin đừng cho tôi những buổi tối trống vắng*

*Xin hãy đến đây
Hồi hoà bình lạ mặt yêu dấu*

*Có biết rằng chúng tôi mồ côi người từ buổi sơ sinh
Có biết rằng chúng tôi đời chờ người từ ngày khôn lớn*

*Xin hãy đến đây đi
Hồi hòa bình lạ mặt yêu dấu
Sao người cứ kiêu hãnh như giai nhân hoài hoài lỗi hẹn
Khi tuổi xuân chúng tôi chỉ có một lần
Làm sao chờ được trăm năm
Mà đến trăm năm còn gì xương máu anh em*

*Xin hãy đến đây
Hồi hoà bình lạ mặt yêu dấu
Bởi tuổi trẻ chúng tôi thiếu người đã phải sát nhân
Bởi tuổi trẻ chúng tôi thiếu người nên bàn tay bẩn
Bởi tuổi trẻ chúng tôi thiếu người trở thành nô lệ
Bởi tuổi trẻ chúng tôi thiếu người nhiều kẻ chết sớm*

*Xin hãy đến đây
Hồi hoà bình lạ mặt yêu dấu
Hãy thành thật đến với chúng tôi
Như chúng tôi thành thật tìm kiếm người*

*Hãy lâu dài ở với chúng tôi
Như chúng tôi lâu dài một đời chờ người ...*

6.

Ba mươi tháng tư năm một chín bảy lăm: Ngày bi thảm nhất của lịch sử dân tộc Việt Nam. Ngày Cộng Sản Bắc Việt áp đặt chế độ độc tài toàn trị lên Miền Nam . Độc lập không độc lập. Tự do không tự do. Hạnh phúc không hạnh phúc. Toàn những khẩu hiệu mị dân, lừa bịp, dối trá được nhà thơ Hữu Loan gọi là “Thảo nguyên âm thanh. Thảo nguyên áp phích”. Ngày mà “Nam kỳ khởi nghĩa tiêu công lý. Đồng khởi vùng lên mất tự do”. Ngày mà quân dân cán chính miền Nam bị bắt nhốt vào trại tù súc vật khắp ba miền Nam Trung Bắc, bị gông cùm xiềng xích, bị hành hạ tra tấn, bị xô xuống chín tầng địa ngục. Người không còn là người khi bị tước đoạt quyền sống, quyền được nói, quyền được tự do suy nghĩ, hành động. Cộng sản chủ trương diệt chủng đạo đức, văn hoá, biến con người thành cây cỏ, súc sinh, ngựa quỉ:

*Tù ra đi kẻ trước người sau
Vì che tay không thấy mắt bão người
Ôi cái thời chim ó lộn chim cu
Mắt trẻ thơ long lanh màu phản trắc
Bão mắt! Bão mắt!
Nó thổi qua không ai còn ngon giấc
[Bão Mắt – HTS]*

Đất nước nhuộm một màu ảm đạm, thê lương, người dân sống trong tâm trạng bất an, nghi ngờ lẫn nhau, ăn ngủ không yên. Trẻ thơ được dạy cách báo cáo chỉ điểm giết người. Con tố cha. Vợ tố chồng. Xã hội đảo điên, ngược ngạo . Đúng là “Ôi cái thời chim ó lộn chim cu. Mắt trẻ thơ long lanh màu phản trắc”.

Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại. Hà Thúc Sinh ở tù gần năm năm qua các trại tù Trảng Lớn, An Dưỡng, Suối Máu, Hàm Tân. Cộng sản gọi trại tù là trại học tập cải tạo, gọi người tù là cải tạo

viên để che mắt người dân cũng như dư luận quốc tế. Cuộc sống trong tù được anh viết khá đầy đủ chi tiết trong trường thiên Đại Học Máu. Trại tù cộng sản khét tiếng tàn độc dã man, phi nhân nhất thế giới, không thua gì các trại tập trung dân Do Thái của Đức Quốc Xã, hoặc các trại tù trừng giới Gulag của Liên xô. Người tù ăn ít làm nhiều, bữa ăn lưng chén bo bo, sắn, bắp với nước muối, làm việc hành xác nặng nhọc như kéo cày thay trâu, vác đá, gỡ mìn, đào ao, đốn gỗ...lâu ngày kiệt sức chết dần mòn:

*Tiếng còi thổi gom tù thành bó
Một bó người quây trăm bó con
Chui khỏi bụi chiều lên khắp nẻo
Nhìn hai tay kiến cắn đở lò
Ngó về phía lò than hoang phế
Nỗi âm u như mộ giữa đồng
Bước vội vấp ngã lăn ra đất
Năm bó con ai giấu bên đàng
[Thằng Bé Đón Củi – HTS]*

Cay đắng, mỉa mai, chua xót. Người bến thành củi, củi gom một bó liệng vào lửa là xong, than xác thành tro than, hồn thành những sợi khói lang thang, vất vưởng không nơi nương tựa. Chúng ta mất quê hương là chúng ta mất tất cả. Còn lại là tình đồng đội, tình dân tộc, là những nắm mộ hoang của những người dân vô tội, của những chiến hữu một thời sát cánh chiến đấu bên nhau nằm cô quạnh nơi rừng thiêng nước độc sẽ là ngọn lửa nung nấu ý chí đấu tranh cho các thế hệ mai sau lên đường dựng lại quê hương.

Trí thức miền Nam lớp bị nhốt vào tù, lớp bị lừa đi vùng kinh tế mới, lớp bị đẩy ra ngoài đường. Giáo sư mất dạy vá lốp xe. Dược sĩ bán chợ trời. Đảng cộng sản toàn một lũ dốt lên cầm quyền, ngồi chễm chệ trên đầu trên cổ thiên hạ, độc tài khát máu còn hơn cả thời phong kiến ngày xưa:

*Trung tá xích lô thăm hỏi bạn
Chợ trời dược sĩ có sao không
Cười như nước mắt nói như bỡn*

Nó bố trưa nay còn cái quần

Ông giáo sử mấy năm và lớp

Đồ nghề linh kinh nặng trên tay

Một anh văn sĩ ngồi lê hỏi

Thời xưa phong kiến khá hơn chăng?

[Quán Bên Đường – HTS]

Xã hội Việt Nam thời cộng sản được Hà Thúc Sinh mô tả đầy đủ, chính xác và trung thực trong bài thơ tứ tuyệt có tựa Cô Gái, hai mươi tám chữ là hai mươi tám giọt máu ứa ra từ trái tim quặn đau của thi sĩ nhỏ xuống thân thể rách nát, khốn cùng của cô bé mười lăm có tên là Việt Nam:

Cha tù mẹ chết anh mất tích

Sau mười thu cô bé mười lăm

Điều ước lớn làm sao có được

Ra ngoài lễ bộ đủ bên trong

7.

Tình yêu trong thơ Hà Thúc Sinh thể hiện, vẽ ra cho ta thấy tính chất mâu thuẫn giữa tự do và ràng buộc, giữa cô đơn và hạnh phúc, giữa cái riêng và cái chung. Thích yêu người, thích được người yêu, thích yêu hết đàn bà trên thế giới, mà cũng thích sống lang thang một mình, thích thành một dòng sữa ngọt chảy giữa đời như giữa cuộc chơi. Mâu thuẫn không có nghĩa là đối nghịch mà cùng song hành vượt lên, thoát khỏi cái kiếp người chật chội này. Tại sao lại gọi cái giới hạn của kiếp người chật chội? Phải chăng thi sĩ đã “ngộ” được cái hạn hẹp của vũ trụ, cái giới hạn của kiếp người bị giam hãm trong vòng sinh tử luân hồi? Có hẹn sẽ gặp, có đi sẽ đến. Thi sĩ đã trót hẹn cùng nhật nguyệt và đã bay lênh đèn trên sự sống con người, nhưng cuối cùng rồi cũng sẽ trở về với một điểm hẹn duy nhất đó là tình yêu muôn thuở:

Ta thích tự do để được yêu hết đàn bà trên thế giới

*Thích lang thang thích sống một mình
Có khi ta vượt cả ngàn cây số
Để hẹn hò cùng một kẻ chưa quen*

*Bởi vốn sinh ra với nhiều cảm lụy
Thích được yêu và thích được yêu người
Ở trong ta chảy một dòng rượu ngọt
Nên sống giữa đời như giữa cuộc đùa chơi*

*Nhưng khi yêu em ta cũng muốn nói có gì dành tặng
Xin tặng em một đống sách ngón ngang
Một tâm hồn chứa nghìn cân thuốc nổ
Một kiếp người đầy mộng ảo miên man*

*Vì em ạ, ta sinh ra đã lỡ
Bay lênh đênh trên sự sống con người
Ta đã trót hẹn cùng nhật nguyệt
Hồn đơn sơ như đoá cúc vàng tươi*

*Có những lúc vui ta vừa đi vừa hát
Vừa lắng nghe thơ róc rách trong đầu
Cũng có lúc ta buồn như tử tội
Ôi kiếp người thấy chật chội làm sao*

*Riêng tấm lòng ta như cây đàn muôn điệu
Cả một đời thèm khát được rung lên
Khi yêu em ta đã cho tất cả
Vẫn tiếc mình sao chỉ một trái tim
[Tự Truyện – HTS]*

Hà Thúc Sinh không dùng chữ Tôi tĩnh lặng xa cách, chữ Anh thân mật triu mến, mà dung chữ Ta mạnh mẽ khí khái, chữ Ta chân thật tự chủ, không yếu mềm, không uỷ mị van xin. Đó là đặc điểm phóng khoáng trong thơ tình của thi sĩ. Chữ dùng rất đời, thường bình dị, không hoa mỹ cầu kỳ kiểu cách làm dáng nên rất gần gũi và gây được sự rung động trong lòng người đọc.

Thi phú và sách vở có phải là niềm an ủi cuối cùng khi những câu hỏi về tình yêu không được trả lời? Người thơ không hiểu mình có thật sự yêu hay không và người mình yêu có thật sự yêu mình không? Phải chăng những khắc khoải ưu tư là do sự dồn nén, u uẩn từ tâm trạng của người lính trận, giữa tình yêu và bổn phận, giữa sống và cái chết, hồn chứa đầy chất nổ đã dạn dày chai cứng trong khói lửa chiến tranh:

Ta muốn là hạnh phúc
Len lỏi vào trong em
Một chiếc bình nho nhỏ
Đựng thể giới vô biên
Chứa một trời thi phú
[Tóc Rối – HTS]

Ta yêu em không nhĩ
Em cần ta thực chẳng
Mặt trời yêu bóng tối
Mặt đất yêu mặt trăng
[Mối Tình Ta – HTS]

Mặt trời - bóng tối. Mặt đất - mặt trăng, hình ảnh tương phản, nhị nguyên, nhưng qua thơ anh những cặp đối đãi ấy đã được hài hoà, tương thông. Em sẽ đến. Em không đến. Đến và đi là chuyện thường tình của tình yêu. Sự thay đổi không quan trọng bằng ước vọng khao khát yêu đương, và tình yêu bao giờ cũng bất diệt, tràn trề như sóng biển thổ thề lời tỏ tình dịu ngọt, nồng ấm giấc mộng trăm năm:

Em không đến hay em sẽ đến
Nhạc lòng ta sóng cũng tràn trề
Một chén rượu làm nên giấc mộng
Quá đủ rồi biển nói em nghe

Chẳng cùng ai ngồi nơi cuối núi
Quán cà phê có điệu nhạc buồn
Sống những phút cát bồi lặng lẽ

Hạnh phúc nào bằng nỗi cô đơn
[Thủy Nguyệt – HTS]

8.

Qua Mỹ gần ba mươi năm Hà Thúc Sinh xuất bản thêm hai thi phẩm Tập “Hoà Bình và Tôi” gồm những bài thơ viết trong tù, và lúc ra tù sống dưới chế độ cộng sản. Tập ”Thơ Viết Giữa Đường” phần đầu gồm những bài thơ sáng tác ở hải ngoại, phần cuối trích một số bài thơ trong tập ”Đạo Núi Minh Ta“ in trước năm 1975, thời Việt Nam Cộng Hoà.

Thơ viết ở xứ người vui ít, buồn nhiều, nhớ nhiều quên ít, tràn đầy những cơn ác mộng. Hai năm lưu lạc, mà đến trăm năm chẳng nữa, biến cố đau thương tang tóc ngày ba mươi tháng tư năm một chín bảy lăm vẫn còn hằn sâu trong tim óc người thơ: “Là gai đâm thịt là đinh đóng đầu”. Vết thương vẫn còn tươi rói rỉ máu từng ngày, chuốc rượu tìm quên càng chất càng sâu, vá cái sâu riêng nhưng càng vá càng sứt chỉ sổ tà, thân tâm bại liệt, như bóng ma trôi vất vưởng trong cõi trầm luân nghiệt ngã. Lục bát Hà Thúc Sinh sáng tác trong giai đoạn này bi phẫn, xót xa, cay đắng và đầy hoài niệm. Thơ thành tiếng thở dài não ruột sâu kín trong tâm. Thơ thành khúc chiêu hồn sinh niệm, chiêu niệm những người còn sống hay đã chết. Vết sẹo tưởng đã lành nhưng vẫn còn mưng mủ nhức nhối đêm ngày. Không còn gì cả, tay trắng tay, miệt mài thân trâu ngựa trả nợ áo cơm; tai vẫn còn nghe văng vẳng tiếng vọng não nề, xé gan xé ruột của một thời chinh chiến xa xưa:

*Hai năm ta ở xứ này
Cái đời lộn ngược tháng ngày chữa quen
Ấn trong nỗi nhớ, nỗi quên
Là gai đâm thịt, là đinh đóng đầu
Bình minh thức dậy, thân trâu
Ngó quanh ai cũng một màu trầm luân
Sầu riêng ngòi vá hai năm
Cái thân sứt chỉ cái tâm sổ tà*

*Cái xưa bình bại oan gia
Cái nay lưu lạc như ma giữa trần
Chiều về dăm chén băng khuâng
Rượu trôi xuống bụng, sầu dâng khắp mình
[Hai Năm ở Mỹ - HTS]*

Cuối năm ở Cali trời lạnh, một mình rượu khuya uống đến bình minh, uống mãi không say. Một mình cùng rượu đối ẩm, uống trong nỗi cô đơn, da diết dần vật khôn nguôi. Thèm một chút điên để quên đi một mảnh lá gầy rơi nghiêng ngoài sân, mảnh lá cuối cùng lẻ loi hiu quạnh như cuộc sống vong thân của một kiếp người: “Cuối năm thèm một chút điên. Rượu khuya uống mãi một mình không say. Bình minh anh vẫn ngồi đây. Ngoài sân một mảnh lá gầy rơi nghiêng - HTS”. Cuối năm một mình nhớ người nhớ đời. Nhớ cái mất cái còn cái được cái thua. Nhớ ngày mẹ sinh ra lạnh lặn tay chân, nay hột hăng khắp khểnh chơ vơ trên con đường vô định. Thèm được đọc sách. Thèm được đánh đàn. Cái thèm trong tâm tay, tủ sách cây đàn ở bên mình sao thấy xa xôi miên viễn... Phải chăng trong tâm thức của thi sĩ chỉ còn đọng lại duy nhất một miếng trời quê hương:

*Nơi đây trời lạnh cuối năm
Mà hồn anh lửa cháy rừng chẳng nguôi
Tháng cùng năm tận như khơi
Mối sầu riêng ở mối vui biếng về
Mẹ xưa sinh đủ tứ chi
Tha hương hột hăng như què một chân
Sách nằm như lũ liệt cầm
Cây đàn treo cổ từ năm ngoài rồi
Trong quang cảnh ấy anh ngồi
Ngó mây thèm một miếng trời quê hương
Ngó hoa nhớ miếng đất cần
Ngó nhung lụa nhớ nâu sồng lấm lem
Và khi cầm bát cơm lên
Lửa rừng mưa tắt khói hoen mắt người
[Cuối Năm Ở Cali – HTS]*

Câu thơ ”Ngó mây thêm một miếng trời quê hương” nghe ray rút
bằng khuâng xao xuyến vô cùng. Chữ “miếng” bình dị mộc mạc,
nó bám riết, quanh quẩn bên ta từng giờ từng phút từng giây. Tại
sao không một “góc”, một “mảnh” trời quê hương mà là một miếng
trời quê hương? Chữ “miếng” dùng ở đây thật thần kỳ vi diệu, nó
chập chờn ẩn hiện đâu đây hình bóng quê nhà. Thêm một miếng
bờ đê, một miếng cánh đồng, một miếng áo nâu sồng, một miếng
đất khô cằn; ôi kìa làm sao cho xiết nỗi nhớ nhung da diết một
miếng trời quê hương xa xôi vạn dặm.

Hòa nhập vào một đất nước văn minh bậc nhất thế giới này không
phải là chuyện dễ dàng, khi mà ta đã trải qua một thời gian dài sống
trong một xã hội đầy tăm tối, nghèo đói, lạc hậu. Thân tàn sức kiệt,
đầu óc đóng băng chai cứng, ngỡ ngàng khi đối diện với những cao
ốc nguy nga tráng lệ, bơ vơ lạc lõng giữa những người không cùng
tiếng nói màu da. Lạ cảnh lạ người. “Đổi ngược họ tên cha mẹ đặt.
Tập làm con trẻ nói ngu ngơ. Vui sâu dĩ vãng vào tro bụi. Thân
phận không bằng đũa măng phu - Thanh Nam”. Tâm trạng của thi
nhân, dù cuộc sống xứ người tương đối ổn định, con cái thành
người, vẫn thấy có cái gì bất ổn, nó như những đợt sóng ngầm, có
lúc cuộn cuộn dâng lên ngập tràn, có lúc âm ỉ len lỏi vào tận xương
tủy. Một mình lái xe đi chơi xuân, sao lại một mình, một mình làm
sao vui được? Vui chứ, có dịp thưởng lãm bức tranh toàn bích của
thiên nhiên, biển núi sương trắng mênh mông, chim bay về núi, sự
vật cố định không thay đổi. Có chăng là nó ẩn khuất trong cõi sâu
thẳm của tâm hồn “lòng còn lên một quê hương”.

Đừng lên thăm thăm một trăm dặm

Mình ta chạy xe đi chơi xuân

Một bên là biển bên là núi

Có đổi thay nào trên dương gian

Ghé quán bên đường kiếm hơi ấm

Nhìn ra sương trắng sương mênh mông

Thấy chim loáng thoáng bay về núi

Lòng bỗng còn lên một cố hương

[Trên Đường Chơi Xuân Santa Ana – HTS]

*Ngồi xuân quán vắng không kẻ bạn
Mắt ngâm đáy cốc mắt ai nhòe
Tiếng kèn lên mãi sầu muốn nổ
Sao ép đời ta đĩa hát kia*

*Tới cuối bãi đôi chân tuổi nặng
Biển trời nhập một hồn chia hai
Vội mình chỉ có thông leo núi
Biết chẳng dò ngang vẫn ngó vời...
[Chiều Ghé Biển Santa Barbara – HTS]*

Nụ cười dí dỏm, hóm hình pha một chút châm biếm trào phúng nhẹ nhàng :

*Ông Toại khuyên tôi muốn trẻ trung
Mỗi năm trừ một tuổi là xong
Mình cười thâm nhủ không lâu lắm
Lại giữa sân mưa được tắm truồng
[Trừ Tuổi - HTS]*

*Cô gái mười lăm tám nửa đêm
Rồ rồ nước chảy dưới và trên
Có người thầy pháp già trăm tuổi
Đã chết sau ngày trông thấy tiên
[Sợ - HTS]*

9.

Thơ sáng tác theo trường phái nào, khuynh hướng nào, thể loại nào cũng đều có giá trị như nhau. Đường luật, thất ngôn, thơ mới, tự do, cổ điển, lãng mạn, siêu thực, hiện thực... tùy theo sự chọn của tác giả, miễn thơ phải có hồn, âm điệu dạt dào và đi vào trái tim người thưởng ngoạn. Thơ làm không khó nhưng khó có được một bài thơ hay, mà viết về thơ không phải là chuyện dễ. Phải hiểu thơ, hiểu

chưa đủ, còn cần phải có sự rung động, đồng cảm với thơ. Thơ mênh mông vô hạn. Viết về thơ là giam thơ vào khuôn khổ của sự phân tích phê bình không cần thiết, nhưng đã nhập vào hồn thơ, trôi nổi theo thơ mà không ghi lại những cảm xúc về thơ thì liệu có công bằng cho thơ không? Thơ Hà Thúc Sinh là dòng sông chảy mãi không ngừng, len lỏi vào từng ngõ ngách (tâm hồn), âm thầm vượt qua những ghềnh thác cheo leo hiểm trở, những núi rừng trùng điệp, những đồng bằng phì nhiêu màu mỡ rồi tuôn tràn ra biển cả bao la vô tận. Thơ Hà Thúc Sinh đa diện, một mình trong cõi riêng biệt. Nhiều ẩn dụ, đôi khi có những ẩn ngữ, ẩn nghĩa chìm sâu bên trong ngôn ngữ, phải đọc đi đọc lại nhiều lần, qua một thời gian chiêm nghiệm mới mong khám phá đôi chút tư tưởng của thi nhân.

Non nửa thế kỷ làm thơ, trải qua một cuộc hành trình dài dẫn dắt, Hà Thúc Sinh đã dần thân vào những biến động kinh hoàng xảy ra cho dân tộc Việt Nam. Thi sĩ là chứng nhân của thời đại. Người ta có thể thay trắng đổi đen, bóp méo lịch sử nhưng không thể nào thay đổi được sự thật. Thơ Hà Thúc Sinh là sự thật, chân thành, chân tình, đầy ắp tình người tình quê hương dân tộc. Xin thương thức bài thơ sau đây để tạm kết thúc bài viết về thơ Hà Thúc Sinh:

*Chiều hôm lỡ chuyển sang sông
Chân mây điểm một nét buồn núi non
Ngậm ngùi ta lắm, thân đơn
Dưới trăng xao xuyến về phương nhớ nhà
Mây bay rất mỏng như là
Áo không đủ ấm hồn ta giữa đời.
[Bên Sông Nhớ Nhà - HTS]*

Hát Tù Ca Hà Thúc Sinh

*Hồn là nốt nhạc đen
Nhập lời ca rục lửa
Người tù trong trại giam
Mộng về vùng đất hứa
Hồn là giọt lệ đen
Nhập tiếng ca uất nghẹn
Vách chông chênh cây đàn
Phím cô đơn lỗi hẹn
Đêm Việt Nam oan nghiệt
Đêm Việt Nam khốn cùng
Tự do đầu họng súng
Xác nằm ven bìa rừng
Đêm Việt Nam tang tóc
Đêm Việt Nam nghẹn ngào
Ngục tù thay công lí
Xác bêu trên hàng rào
Lời ca hòa tiếng nấc
Nốt nhạc hòa máu tim
Bỗng dưng mưa đổ hạt
Mây che khuất ánh đèn
Còn đây ta với bạn
Ngậm ngùi Đêm Việt Nam
Ta nâng ly rượu cạn
Bạn buông phím tơ đàn*

Trần văn Sơn

(El Monte, CA. 4/2009)